

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Võ Hoàng N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

(Nguyên đơn Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh N vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn chị Nguyễn

Thị Trúc H trình bày:

Chị và anh Võ Hoàng N chung sống với nhau từ năm 2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 31/10/2007. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây gổ với nhau do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh N đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung là Võ Thị Trúc Y, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2008 và Võ Thị Trúc Z, sinh ngày 05/8/2014. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi hai con chung, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Trong quá trình tố tụng và tại biên bản hòa giải ngày 19/12/2022 anh Võ Hoàng N trình bày:

Anh N thống nhất với chị H về thời gian cưới nhau, đăng ký kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh N cũng đồng ý ly hôn với chị H. Anh N và chị H có 02 con chung tên Võ Thị Trúc Y, sinh ngày 02/9/2008 và Võ Thị Trúc Z, sinh ngày: 05/8/2014. Sau khi ly hôn, anh N muốn nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh N làm nghề chạy ghe bắt nghêu thu nhập khoảng 10.000.000 đồng trên tháng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện nghiêm quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc H. Về con chung giao cháu Võ Thị Trúc Y và cháu Võ Thị Trúc Z cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và cháu Z tại biên bản ghi ý kiến con ngày 19/12/2022, ghi nhận chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Hoàng N.

[2] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Trúc H và anh Võ Hoàng N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 31 tháng 10 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp. Chị H cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, hôn nhân không còn hạnh phúc.

Nay chị H xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu xin ly hôn với anh N và trong quá trình tố tụng Tòa án đã mời anh N đến Tòa để hòa giải, anh N cũng đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Võ Thị Trúc Y và Võ Thị Trúc Z và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung là Võ Thị Trúc Y, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2008 và Võ Thị Trúc Z, sinh ngày 05/8/2014. Khi ly hôn chị xin nuôi con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và cháu Z và đúng với quy định tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Trúc H phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc H với anh Võ Hoàng N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc H có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Trúc Y, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2008 và cháu Võ Thị Trúc Z, sinh ngày 05/8/2014. Ghi nhận chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không

được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Trúc H phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008966 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Long